Ngày soạn: **06/03/2023**

Ngày dạy: **09/03/2023**

**Tiết 42 ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1. Năng lực:**

- Củng cố những kiến thức cơ bản về 2 vùng kinh tế Đông Nam Bộ và vùng ĐB sông Cửu Long.

- Kỹ năng phân tích biểu đồ và bảng số liệu. Khai thác kiến thức qua kênh chữ kết hợp kênh hình.

- Đọc, phân tích, đánh giá 1 số vấn đề, khai thác bảng thống kê, biểu đồ.

- Vẽ biểu đồ

**2. Phẩm chất:**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn các giá trị thiên nhiên , lịch sử văn hoá … của địa phương

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**

1.Chuẩn bị của giáo viên:

\* Phương pháp / Kĩ thuật dạy học: PP vấn đáp, trực quan, đàm thoại, giảng giải, so sánh, thảo luận nhóm. Kĩ thuật học tập hợp tác, KT trình bày, KT đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi tích cực.

\* Phương tiện, tài liệu:

-Lược đồ kinh tế và tự nhiên của Vùng Đồng bằng sông cửu long**.**

2.Chuẩn bị của học sinh:

**-**Đồ dùng học tập,đọc trước bài mới.Máy tính, thước kẻ, bút chì, Atlat.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**\* Ổn định lớp:**

**\* Kiểm tra bài cũ:**Trong quá trình học bài mới

**1. Khởi động**:

**\* Mục tiêu:** HS tái hiện vị trí ĐBSCL và vùng ĐNB

**\* Phương pháp-kỹ thuật dạy học:** Phương pháp trực quan, vấn đáp

**\*Phương tiện dạy học:** SGK, bản đồ tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long và vùng ĐNB

**\* Hình thức hoạt động:** Cá nhân

**+ Bước 1:** Giao nhiệm vụ, yêu cầu HS trả lời nội dung sau: Em hãy nhắc lại trí vùng ĐBSCL

và vùng ĐNB.

**+ Bước 2:** HS bằng những hiểu biết của mình để trả lời.

**+ Bước 3:** HS trả lời

 **+ Bước 4:** Từ đó giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

**2. Hinh thành kiến thưc mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Kiến thức cơ bản**  |
| **Hoạt động 1:** Tìm hiểu phần lí thuyết **\* Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học về mặt tự nhiên, kinh tế của vùng kinh tế ĐNB và ĐBSCL: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư xã hội, kinh tế và các trung tâm kinh tế.**\*Phương pháp, kĩ Thuật:** Giải quyết vấn đề, tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, KT hợp tác.**\* Phương tiện dạy học:** SGK, máy tính-tivi**\*Hình thức tổ chức:** Hoạt động cá nhân**\*Tổ chức hoạt động:****Bước 1:** GV trình chiếu bản đồ tự nhiên vùng ĐNB và vùng ĐBSCL, yêu cầu HS: Xác định giới hạn của hai vùng trên bản đồ.? Vị trí đó có ý nghĩa như thế nào đối với từng vùng?? So sánh những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế của hai vùng?? So sánh tiềm năng kinh tế biển của hai vùng?? ĐBSCL có điều kiện nào thuận lợi cho sản xuất lương thực?? Dựa vào kiến thức đã học so sánh đặc điểm dân cư-xã hội của hai vùng?? Quan sát bản đồ kinh tế vùng ĐNB và vùng ĐBSCL, hãy so sánh tình hình phát triển công nghiệp của hai vùng? Vùng nào có thế mạnh hơn trong sản xuất nông nghiệp?? Nông nghiệp hai vùng phát triển như thế nào?? Phân tích, so sánh những thế mạnh trong phát triển dịch vụ?? Xác định trên bản đồ kinh tế các trung tâm lớn của hai vùng, trung tâm kinh tế nào lớn nhất trong mỗi vùng?**Bước 2:** HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung**Bước 3:** GV nhận xét và kết luận.**Hoạt động 2:** Tìm hiểubài tập **\* Mục tiêu**: Củng cố lại các dạng bài tập**\* Phương pháp-kỹ thuật dạy học:** PP giải quyết vấn đề; kĩ thuật học tập hợp tác.**\*Phương tiện tài liệu:** SGK, máy tính-tivi.**\* Hình thức tổ chức:** Cá nhân**\*Tổ chức hoạt động:** **Bước 1:** GV yêu cầu HS xem lại các dạng bài tập đã làm trong SGK.**Bước 2**: HS nêu thắc mắc, GV giải đáp và nhắc lại cách vẽ biểu đồ tròn, biểu đồ cột chồng, biểu đồ cột ghép. | **I. Lí thuyết****1. Vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.****-** Vị trí đó có ý nghĩa như thế nào đối với từng vùng- ĐKTN và TNTN- Đặc điểm dân cư xã hội- Tình hình phát triển kinh tế- Các trung tâm kinh tế***II. Bài tập*** |

**3. Luyện tập:**

**\*Mục tiêu:** Củng cố một số kiến thức cơ bản trong bài

**\*Phương pháp-kỹ thuật dạy học:** Phương pháp giải quyết vấn đề. KT đặt câu hỏi

**\*Phương tiện dạy học:** máy tính , ti vi

**\* Hình thức hoạt động:**  Cá nhân

**-** So sánh tiềm năng kinh tế biển của hai vùng?

- Phân tích thế mạnh trong sản xuất lương thực, sản xuất xuất khẩu thủy sản ở ĐBSCL?

**4.Vận dụng:**

**\* Mục tiêu:** Biết được tìm năng phát triển kinh tế của hai vùng

**\* Phương pháp, kĩ thuật:** Diễn giải. KT hợp tác, đặt câu hỏi.

**\* Phương tiện dạy học:** Máy tính , ti vi

**\* Hình thức hoạt động:**  Cá nhân

- Vùng ĐBSCL và ĐNB có thế mạnh nổi bật gì về kinh tế?

**5. Tìm tòi và mở rộng:**

**\* Mục tiêu:** Khuyến khích HS tìm hiểu mở rộng kiến thức.

**\* Phương pháp, kĩ thuật:** Tư duy, diễn giải. KT hợp tác, đặt câu hỏi.

**\* Hình thức hoạt động:**  Cá nhân

- Chứng minh rằng TP. HCM là trung tâm dịch vụ, đầu mối giao thông vận tải quan trọng hàng đầu của vùng ĐNB và cả nước?

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP**

**Câu 1:** Vì sao đồng bằng SCL là vùng trọng điểm lúa của cả nước?

**Câu 2:** .

 A. Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của ĐNB? (2,0 điểm)

 B.Tại sao ĐNB có sức hút mạnh nguồn đầu tư nước ngoài? (1,0 điểm)

**Câu 3:** Nêu vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 4:** (2,0 điểm).Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất của cả nước?

**Câu 5**: (1điểm) .Kể tên các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

**Câu 6 :** Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây:

Tình hình sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2015 (nghìn tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sản lượng** | **Đồng Bằng sông Cửu Long** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Cả nước** |
| **Cá biển khai thác** | 765,1 | 144,8 | 2076,7 |
| **Cá nuôi** | 1804,4 | 404,0 | 2536,8 |
| **Tôm nuôi** | 511,0 | 21,0 | 634,8 |

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long, và đồng bằng sông Hồng so với cả nước (cả nước = 100%)(1.5 điểm)

b. Rút ra nhận xét. (0,5 điểm)

**TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Vùng nào dưới đây ***không giáp*** với vùng Đông Nam Bộ?

A. Tây Nguyên. C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long . D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 2. Các trung tâm kinh tế lớn của Đông Nam Bộ gồm:**

A. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, Thủ Dầu Một.

B. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, TP Vũng Tàu.

C. TP Hồ Chí Minh, TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu.

D. TP Biên Hòa, TP Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.

**Câu 3. Loại đất có giá trị nhất đối với sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là**

A. đất phù sa ngọt. C. đất ba dan và đất xám trên phù sa cổ.

B. đất feralit. D. đất feralit trên đá vôi.

**Câu 4. Khoáng sản có trữ lượng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. bô xít. B. đá vôi, than bùn. C. dầu mỏ. D. khí đốt.

**Câu 5:** **Loại đất chiếm tỉ lệ ít nhất vùng Đông Nam Bộ là:**

A.Đất Feralit B.Đất badan C.Đất xám trên phù sa cổ. D.Đất phù sa.

**Câu 6. Ngư trường trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long là:**

A. Ninh Thuận - Vũng Tàu. C. Cà Mau – Kiên Giang.

B. Hải Phòng – Quảng Ninh. D. Hoàng Sa – Trường Sa.

**Câu 7.** Đất phù sa ngọt của Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

A. dọc sông Tiền, sông Hậu. C. Đồng Tháp Mười.

B. bán đảo Cà Mau. D. Tứ giác Long Xuyên.

**Câu 8.** Tỉnh nào sau đây ***không thuộc*** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Bình Phước. B. Bến Tre. C. Tây Ninh. D. Long An.

**Câu 9. Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh**

A. Long An. B. Cà Mau. C. An Giang. D. Kiên Giang.

**Câu 10. Khoáng sản có giá trị nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. cao lanh B. sét C. dầu mỏ và khí tự nhiên D. bô xít

**Câu 11. Bãi tắm đẹp nổi tiếng, có giá trị du lịch của Đông Nam Bộ là:**

A. Vũng Tàu. B. Mũi Né. C. Cần Giờ D. Non Nước.

**Câu 12. Hồ thủy lợi quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:**

A. hồ Ba Bể. B. hồ Dầu Tiếng. C. hồ Thác Bà. D. hồ Lắk.